

Số: 88/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí dự án;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định một số nội dung:

1. Quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây viết tắt là PPP), bao gồm:

a) Quản lý, sử dụng chi phí chuẩn bị đầu tư và chi phí thực hiện dự án PPP của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành, UBND cấp tỉnh) theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây viết tắt là Nghị định số 63/2018/NĐ-CP);

b) Cơ chế quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

c) Phương án tài chính của dự án PPP;

d) Lập kế hoạch đối với phần vốn thanh toán cho nhà đầu tư sử dụng nguồn chi thường xuyên và nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công;

đ) Thanh toán phần Nhà nước tham gia thực hiện các dự án PPP;

e) Xác định giá trị tài sản công tham gia trong dự án PPP;

g) Xác định giá trị phần vốn đầu tư công đã đầu tư của dự án đầu tư công được chuyển sang đầu tư theo hình thức hợp đồng PPP;

h) Quyết toán giá trị công trình dự án PPP hoàn thành.

2. Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (sau đây viết tắt là Nghị định số 30/2015/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư; thực hiện dự án PPP; quyết toán dự án PPP hoàn thành; khai thác, vận hành dự án PPP.

2. Tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Điều 7 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

3. Đối với dự án PPP sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài thì phương án tài chính được thực hiện theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp nhà tài trợ có quy định khác tại Thông tư này thì phương án tài chính thực hiện theo quy định của nhà tài trợ hoặc thực hiện theo quy định tại Thông tư này khi nhà tài trợ không phản đối.

Điều 3. Cơ quan thanh toán phần Nhà nước tham gia trong dự án PPP và mở tài khoản

1. Cơ quan Kho bạc Nhà nước được giao nhiệm vụ kiểm soát thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư và phần Nhà nước tham gia trong dự án PPP của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quy định tại Điều 5, Điều 11 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

2. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý vốn chuẩn bị đầu tư và phần Nhà nước tham gia trong dự án PPP của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch và phù hợp với việc kiểm soát thanh toán vốn của Kho bạc Nhà nước.

3. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục mở tài khoản theo quy định hiện hành.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHI PHÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN PPP CỦA BỘ, NGÀNH, UBND CẤP TỈNH

Điều 4. Nguồn kinh phí và nội dung chi cho công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP

1. Nguồn ngân sách nhà nước cân đối trong kế hoạch chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên của các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh bố trí cho các nội dung chi phí chuẩn bị đầu tư quy định tại Điểm c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

2. Nguồn ngân sách nhà nước cân đối trong kế hoạch chi đầu tư phát triển của các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; nguồn hỗ trợ chuẩn bị đầu tư quy định tại Điều 6 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP; nguồn thu từ việc bán hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư; nguồn vốn do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án PPP hoàn trả và các nguồn vốn hợp pháp khác bố trí cho các nội dung quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

3. Chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP được phép bổ sung nguồn trích từ tổng mức đầu tư xây dựng theo quy định của Bộ Xây dựng (hiện nay là Quyết định số 1191/QĐ-BXD ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ Xây dựng về công bố định mức chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án PPP).

4. Riêng các nội dung chi theo quy định tại Điểm c, d, e, g và h Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP:

a) Các khoản chi trực tiếp cho dự án PPP được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển của các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và/hoặc trích từ tổng mức đầu tư dự án PPP theo quy định của Bộ Xây dựng.

b) Chi hoạt động của đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP phục vụ các hoạt động chung (không gắn với dự án PPP cụ thể) được bố trí từ nguồn chi thường xuyên của các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh.

Điều 5. Lập, phê duyệt và chấp hành dự toán

1. Căn cứ lập dự toán

a) Văn bản bộ, ngành giao cho tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ngành mình; UBND cấp tỉnh giao cho cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc hoặc UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP (nếu có).

b) Danh mục dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo hình thức PPP theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP;

c) Kế hoạch triển khai các dự án PPP được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

d) Kế hoạch sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

đ) Chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật hiện hành tương ứng.

e) Nguồn thu từ chi phí chuẩn bị dự án do nhà đầu tư trúng thầu hoàn trả (nếu có); thu từ bán hồ sơ mời thầu và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Nguyên tắc lập dự toán

a) Các nội dung chi được bố trí từ nguồn chi thường xuyên của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành về lập dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước.

b) Các nội dung chi được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành về lập dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

c) Nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm hoàn trả nguồn chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án PPP cho bộ, ngành, UBND cấp tỉnh đã thực hiện. Trường hợp

cơ quan nhà nước có thẩm quyền không yêu cầu nhà đầu tư hoàn trả chi phí chuẩn bị đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện thì phần chi phí này không được tính trong phương án tài chính để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận nhà đầu tư.

d) Các khoản thu từ chi phí chuẩn bị đầu tư do nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả và khoản thu từ bán hồ sơ mời thầu còn dư (sau khi đã chi cho công tác tổ chức đấu thầu theo quy định) được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách.

3. Lập, phê duyệt và chấp hành dự toán

a) Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, giám sát thực hiện hợp đồng dự án, chất lượng công trình căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, lập dự toán chi theo từng nội dung chi và nguồn kinh phí quy định tại Điều 4 Thông tư này, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị mình theo từng loại nguồn vốn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

b) Sau khi dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bộ, ngành, UBND cấp tỉnh phân bổ dự toán cho các đơn vị được giao thực hiện theo quy định;

c) Trường hợp phát sinh dự án PPP được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong năm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bổ sung dự toán, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

d) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định dự toán được phân bổ.

Điều 6. Nguồn vốn hỗ trợ chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP

1. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp để hỗ trợ công tác chuẩn bị đầu tư của các dự án PPP phù hợp với quy định của pháp luật ngân sách, pháp luật về quản lý nợ công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án PPP mà bộ, ngành, UBND cấp tỉnh đã thực hiện phải được quy định trong hồ sơ mời thầu để làm cơ sở cho nhà đầu tư hoàn trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

3. Sau khi hợp đồng dự án được ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư trúng thầu (hoặc nhà đầu tư trúng thầu và doanh nghiệp dự án), nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm hoàn trả nguồn chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án PPP cho bộ, ngành, UBND cấp tỉnh đã thực hiện theo hồ sơ mời thầu trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày hợp đồng dự án được ký kết.

4. Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ưu tiên bố trí nguồn thu do nhà đầu tư hoàn trả chi phí chuẩn bị đầu tư trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để tạo nguồn chuẩn bị đầu tư cho các dự án PPP tiềm năng khác. Việc